

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01 /2024/DS-ST

Ngày 03 - 7 - 2024

“V/v Tranh chấp thừa kế
tài sản và chia tài sản chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q -TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Danh Nhân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* + Ông Dương Chính Phù
+ Bà Đào Thị Hà

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Lan Hương -Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Lý Xuân Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2023/TLST-DS ngày 10/10/2023 về việc “Tranh chấp thừa kế tài sản và chia tài sản chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cháng Thị D; Sinh năm 1961; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Xuân Bé, Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hầu Sào T; Sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Ấu Đức Nam, trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Hầu Thị M; sinh năm: 1986. Trú tại thôn S, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có đơn xét xử vắng mặt

Chị Hầu Thị H; sinh năm: 1991. Trú tại thôn S, xã C, thành phố L, tỉnh Lao Cai. Có mặt

Chị Hầu Thị L; sinh năm: 1993. Trú tại thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt

Cháu Hầu Ngọc D; sinh năm: 2002; Hầu Thị T; sinh năm: 2005. Cùng trú tại thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có đơn xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện lập ngày 15/5/2023 và bản tự khai, biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Cháng Thị D trình bày:

Chồng bà là ông Hầu Xín P, sinh năm 1962 chết ngày 08/11/ 2018, quá trình chung sống vợ chồng bà sinh được 05 người con đến nay đều đã lập gia đình gồm:

- Hầu Sào C; sinh năm: 1978, chết năm 2008, đã lấy vợ và có 02 con là Hầu Ngọc D; sinh năm: 2002; Hầu Thị T; sinh năm: 2005. Vợ đã bỏ đi năm 2007 không rõ tin tức, hiện nay 02 con của Chung đang có hộ khẩu tại thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Hầu Sào T; Sinh năm 1984, nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Hầu Thị M; sinh năm: 1986. Trú tại thôn S, xã B, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

- Hầu Thị H; sinh năm: 1991, Trú tại thôn S xã C, thành phố L, tỉnh Lao Cai.

- Hầu Thị L; sinh năm: 1993, Trú tại thôn L, xã T, huyện Q, tỉnh Hà Giang.

Ngoài ra ông bà không có con nuôi hoặc con riêng nào khác. Khi chồng bà chết không để lại di chúc, tài sản chung của ông bà gồm:

1. Thừa đất số 45, tờ bản đồ số 34; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 6138,7m²; mục đích sử dụng đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác; thời hạn sử dụng đến ngày 04/12/2023. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BU 013899 cấp ngày 04/12/2013, mang tên bà Cháng Thị D và ông Hầu Xín P.

2. Thừa đất số 836, tờ bản đồ số 29; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 619,0m²; mục đích sử dụng đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BM 083361 mang tên bà Cháng Thị R, cấp ngày 02/07/2012, đổi thành tên Cháng Thị D ngày 04/12/2017.

3. Thừa đất số 380, tờ bản đồ số 29; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 2891,6m²; mục đích sử dụng (đất trồng cây lâu năm khác 2491,6 m², đất ở tại nông thôn 400,0 m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BM 083362 mang tên bà Cháng Thị R, cấp ngày 02/07/2012, đổi thành tên Cháng Thị D ngày 04/12/2017, trên đất có ngôi nhà 01 tầng mái bằng, diện tích 24m² ; thời hạn sử dụng đến ngày 08/01/2048.

4. Thừa đất số 11, tờ bản đồ số 34; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 602,8m²; mục đích sử dụng đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BU 013990 mang tên bà Cháng Thị D, cấp ngày

04/12/2013.

5. Thừa đất số 258, tờ bản đồ số 34; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 1068,7m²; mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CT 864988 mang tên bà Cháng Thị D, cấp ngày 19/08/2021.

6. Thừa đất số 564 và 11, tờ bản đồ số 20 và 25; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 3943,8m²; mục đích sử dụng đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BM 083360 mang tên bà Cháng Thị R, cấp ngày 02/07/2012, đổi thành tên Cháng Thị D ngày 04/12/2017.

7. Thừa đất số 96, tờ bản đồ số 34; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 178,3m²; mục đích sử dụng đất trồng cây hàng năm khác Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CT 864987 mang tên bà Cháng Thị D, cấp ngày 19/8/2021.

Hiện nay bà đang quản lý, sử dụng 01 thửa 380, tờ bản đồ số 29; diện tích 2891,6m²; mục đích sử dụng (đất trồng cây lâu năm khác 2491,6 m², đất ở: 400 m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BM 083362 mang tên bà Cháng Thị D, cấp ngày 02/07/2012, trên đất có ngôi nhà 01 tầng mái bằng, diện tích 24m², còn lại 07 thửa khác anh Hầu Sào T đang sử dụng. Trong quá trình chung sống các con đều ở xa, chỉ có anh T ở gần tuy nhiên mẹ con không ở cùng nhau vì có nhiều bất đồng, đến nay tuổi đã cao, cuộc sống khó khăn nên bà có đơn khởi kiện đề nghị tòa án xác định phân tài sản của bà trong số tài sản chung với ông P và phân di sản của ông P để lại để bà được quyền sở hữu, định đoạt số tài sản của mình.

Quá trình giải quyết, sau khi tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản khi hòa giải, quan điểm của bà thay đổi so với nội dung khởi kiện ban đầu, bà đề nghị khi chia và tự nguyện được nhận ít hơn so với phần tài sản bà được hưởng theo pháp luật. Cụ thể bà đề nghị được quản lý, sử dụng: Thừa đất số 380, tờ bản đồ số 29; diện tích 2891,6m²; trên đất có ngôi nhà 01 tầng mái bằng, diện tích 24m²; Thừa đất số 836, tờ bản đồ số 29; diện tích 619,0m²; Thừa đất số 45, tờ bản đồ số 34; diện tích 6138,7m².

Giao cho anh Hầu Sào T quản lý, sử dụng thửa đất số 11, tờ bản đồ số 34; diện tích 602,8m²; Thừa đất số 96, tờ bản đồ số 34; diện tích 178,3m²; thửa đất số 258, tờ bản đồ số 34; diện tích 1068,7m².

Còn lại 02 con của Hầu Sào C (Hầu Ngọc D và Hầu Thị T) bà cho 2 cháu thừa đất số 11 tờ bản đồ số 20 diện tích 2610,8m² và thửa đất số 564, tờ bản đồ số 25 diện tích 883m².

Tài sản trên đất gồm cây, cỏ chăn nuôi, rau lang vv ...trên thửa đất của ai người đó sử dụng.

Trong quá trình giải quyết anh Hầu Sào T trình bày: Anh là con trai ruột của bà Cháng Thị D, ông Hầu Xín P, bố mẹ sinh được 05 người con, 2 trai, 3 gái đều đã lập gia đình riêng, khi anh và anh C lấy vợ bố mẹ cũng đã chia đất cho hai anh em để làm ăn, sinh sống, Tuy nhiên anh Hầu Sào C đã bị tai nạn giao thông chết năm 2008 để lại 2 người con Hầu Ngọc D và Hầu Thị T, còn trước đó vợ đã bỏ đi từ năm 2007 không rõ tung tích nên anh đã phải nuôi 2 con của anh C, sau

đó bà D nuôi cháu T còn anh nuôi cháu D đến nay các cháu đã trưởng thành, đi làm xa nhưng vẫn có hộ khẩu tại thôn C, xã Đ, huyện Q. Sau khi anh C chết anh đã chuyển sang nhà anh C sinh sống, đồng thời toàn bộ đất ở, đất lúa, đất nương đã sang tên anh trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi anh C chết anh là người lo làm ma theo phong tục, khi bố anh ông P ốm và chết anh cũng là người đứng ra lo liệu, bà D và các em gái không giúp được gì. Đến nay bà D khởi kiện đòi chia đất là tài sản chung và chia thừa kế của bố anh để lại anh không đồng ý, anh chỉ chấp nhận cho bà D sử dụng thửa đất số 380, tờ bản đồ số 29; diện tích 2891,6m² trên đất có ngôi nhà xây do nhà nước hỗ trợ, ngoài ra bà không được chuyển nhượng cho ai bởi vì theo phong tục dân tộc anh thì sau này bà D qua đời thì anh vẫn phải là người có trách nhiệm lo liệu, các em gái lấy chồng cũng không thể bắt buộc cùng có trách nhiệm được.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hầu Thị M, Hầu Thị H, Hầu Thị L tại giai đoạn giải quyết và chị H, chị L có mặt tại phiên tòa đều trình bày thừa nhận bố đẻ là Hầu Xín P, mẹ đẻ là Cháng Thị D không có nuôi, con riêng mà sinh được 5 người con như bà D anh T trình bày là đúng, vào năm 2008 anh trai là Hầu Sào C chết để lại 02 con là Hầu Ngọc D và Hầu Thị T, sau khi ông P chết vào năm 2018 số tài sản chung của bố mẹ như bà D trình bày là đúng. Quá trình chung sống anh T không chăm sóc mẹ khi ốm đau, khi anh C chết vì anh T là con trai chỉ là người đứng ra tổ chức đám ma, còn bố mẹ vẫn có trách nhiệm lo liệu. Khi bố ốm lúc đó các chị chưa lập gia đình nên vẫn cùng với bà D chăm sóc, chỉ đến 02 năm cuối đời khi bố chị được chế độ của nhà nước (hộ nghèo, dân tộc thiểu số) thì anh T có đón về chăm sóc, sau đó đã chết tại nhà của anh C trước đây (khi anh C chết thì vợ chồng anh T sử dụng), anh T, bà D và các chị tổ chức làm ma cho bố tại nhà anh. Khi bà D khởi kiện chia di sản thừa kế của bố để lại theo pháp luật thì phần của 03 chị em sẽ đồng ý cho bà D được hưởng, chị Hầu Thị M do ở xa nên đề nghị xét xử vắng mặt.

Cháu Hầu Ngọc D và Hầu Thị T do vắng nhà nên đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Sau khi phân tích đánh giá quan hệ gia đình, xác định tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng bà D, ông P. Hiện nay tài sản chung xác định đến khi ông P chết năm 2018 gồm 08 thửa đất nằm trong 07 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà D, ông P. Như vậy bà D có quyền khởi kiện đề nghị chia tài sản chung để xác định phần tài sản của bà và kỹ phần của bà trong di sản của P để lại là có cơ sở xem xét. Tại giai đoạn giải quyết và tại phiên tòa những người có quyền lợi liên quan: Hầu Thị M, Hầu Thị H, Hầu Thị L nhượng phần của mình được hưởng theo pháp luật để cho bà D cần chấp nhận. Tại giai đoạn giải quyết và tại phiên tòa bà D có nguyện vọng tự chia phần tài sản cho bà, anh T, cháu D, cháu T bằng hiện vật và phần tài sản của bà được hưởng thấp hơn so với phần được chia theo pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Đề nghị miễn án phí cho nguyên đơn.

Người bảo vệ vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thấy rằng quan điểm của nguyên đơn tự chia như trên có lợi hơn so với việc chia theo pháp luật nên bị đơn cần phải cân nhắc, quyết định và đề nghị miễn án phí cho bị đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của pháp luật;

Người tham gia tố tụng: Cơ bản thực hiện đúng quy định của pháp luật, những người vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn xét xử vắng mặt.

Về nội dung: Kiểm sát viên tóm tắt nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 33, 66 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 612,613,623, 650,651,652 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Cháng Thị D về việc chia di sản thừa kế, chia tài sản chung.

- Xử chấp nhận bà Cháng Thị D được quyền quản lý, sử dụng Thừa đất số 380, tờ bản đồ số 29; diện tích 2891,6m²; trên đất có ngôi nhà 01 tầng mái bằng, diện tích 24m²; Thừa đất số 836, tờ bản đồ số 29; diện tích 619,0m²; Thừa đất số 45, tờ bản đồ số 34; diện tích 6138,7m².

Xử giao cho anh Hàu Sào T quản lý, sử dụng thừa đất số 11, tờ bản đồ số 34; diện tích 602,8m²; Thừa đất số 96, tờ bản đồ số 34; diện tích 178,3m²; thừa đất số 258, tờ bản đồ số 34; diện tích 1068,7m².

Xử giao cho Hàu Ngọc D được quản lý, sử dụng thừa đất số 11 tờ bản đồ số 20 diện tích 2610,8m²; Hàu Thị T được quản lý, sử dụng thừa đất số 564, tờ bản đồ số 25 diện tích 883m².

Về chi phí tố tụng, án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14. Đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là vụ án Tranh chấp thừa kế tài sản và chia tài sản chung. bị đơn anh Hàu Sào T có nơi cư trú tại thôn C, xã Đ, huyện Q, đối tượng tranh chấp là bất động sản thuộc địa bàn huyện Q nên theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hàu Thị M, Hàu Ngọc D, Hàu Thị T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

[3] *Về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế*: Căn cứ vào lời trình bày thống nhất của các đương sự và qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận bà Cháng Thị D và ông Hầu Xín P là quan hệ hôn nhân hợp pháp và có 05 con chung là: Hầu Sào C, Hầu Sào T, Hầu Thị M, Hầu Thị H; Hầu Thị L. Năm 2008 anh Chung chết hiện nay có 02 người con thuộc diện thừa kế thế vị là Hầu Ngọc D và Hầu Thị T. Năm 2018 ông Ph chết vợ chồng ông bà không có con nuôi, con riêng nào khác. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Phủ gồm 06 người: Cháng Thị D; Hầu Thị M, Hầu Thị H; Hầu Thị L, Hầu Sào C, Hầu Sào T, anh C chết năm 2008 có 02 con là Hầu Ngọc D và Hầu Thị T là thừa kế thế vị theo quy định tại Điều 651,652 Bộ luật dân sự.

[4] *Về di chúc*: Các đương sự trong vụ án không ai xuất trình tài liệu, chứng cứ gì về việc có di chúc của ông Hầu Xín P nên đủ cơ sở kết luận ông Hầu Xín P không để lại di chúc. Tài sản chung và di sản của ông P được chia theo pháp luật.

[5] *Về thời hiệu khởi kiện*: Ông Hầu Xín P chết ngày 14/11/2018, thời điểm mở thừa kế của ông Hầu Xín P là ngày 14/11/2018, ngày 10/10/2023 bà Cháng Thị D làm đơn khởi kiện chia di sản thừa kế, chia tài sản chung. Như vậy, thời hiệu khởi kiện trong thời hạn quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự.

[6] *Về tài sản chung và di sản thừa kế ông P bà D*: Căn cứ vào các tài liệu đương sự cung cấp, kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản xác định khối tài sản của ông P và bà D trong thời gian chung sống vợ chồng gồm:

1. Thừa đất số 380, tờ bản đồ số 29; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 2891,6m²; (đất trồng cây lâu năm khác 2.491.6m²; đất ở tại nông thôn 400.0m²).

Về đất: $(2491,6m^2 \times 26.000đ/m^2) + (400m^2 \times 92.000đ/m^2) = 64.781.600,đ + 36.800.000,đ = 101.581.600đ.$

Về tài sản trên đất:

01 ngôi nhà 01 tầng mái bằng, tường 220mm, diện tích 24m² x 4.014.000,đ = 96.336.000đ.

08 cây lát đường kính trên 45cm x 270.000,đ = 2.160.000đ.

03 cây mỡ đường kính trên 45cm x 190.000,đ = 570.000đ.

01 cây nhãn đường kính 15 đến 20cm x 510.000,đ = 510.000đ.

04 cây bưởi đường kính 16 đến 20cm x 370.000,đ = 1.480.000đ.

21 cây tre đường kính trên 10cm x 10.000,đ = 210.000đ.

Tổng trị giá là: 202.847.600đ.

2. Thừa đất số 836, tờ bản đồ số 29; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 619,0m² là đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác.

Về đất: $619 \times 26.000,đ/m^2 = 16.094.000đ.$

Về tài sản trên đất:

05 cây xoan đường kính 11 đến 15cm x 30.000 = 150.000đ.

02 cây ôi x 30.000,đ = 60.000đ.

600m² cỏ x 3.000,đ = 1.800.000đ.

Tổng trị giá là: 18.104.000đ.

3. Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 34; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 602,8m²; là đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác.

Về đất: 602,8m² x 26.000,đ/m² = 15.672.800đ.

Về tài sản trên đất: 201m² cỏ x 3.000đ/m² = 603.000đ.

Tổng trị giá là: 16.275.800đ.

4. Thửa đất số 258, tờ bản đồ số 34; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 1068,7m²; là đất trồng cây hàng năm khác.

Về đất: 1068,7m² x 26.000,đ = 27.786.200đ.

Về tài sản trên đất: 534m² cỏ x 3.000,đ/m² = 1.602.000đ.

Tổng trị giá là: 29.388.200đ.

5. Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 34; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 6138,7m²; là đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác.

Về đất: 6138,7m² x 26.000 đ/m² = 159.602.200đ.

Về tài sản trên đất:

400m² cỏ x 3.000,đ/m² = 1.200.000đ.

200m² rau lang x 2.000,đ = 400.000đ.

Tổng trị giá là: 161.202.200đ.

6. Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 34; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 178,3m²; là đất trồng cây hàng năm khác.

Về đất: 178,3m² x 26.000,đ/m² = 4.638.800đ.

Về tài sản trên đất: 178,3m² rau lang x 2.000,đ/m² = 356.600đ.

Tổng trị giá là: 4.995.400đ

7. Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 20, diện tích 2610,8m² là đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác.

Về đất: 2610,8m² x 26.000.đ/m² = 67.880.800đ

Về tài sản trên đất:

870m² cỏ x 3.000,đ/m² = 2.610.000đ.

08 cây lát đường kính từ 16 đến 20cm x 80.000 = 640.000đ.

Tổng trị giá là: 71.130.800đ.

8. Thửa đất số 564 tờ bản đồ số 25, diện tích 883m². là đất cỏ dùng vào chăn nuôi.

Về đất: $883\text{m}^2 \times 26.000,đ = 22.958.000đ$.

Về tài sản trên đất: $440\text{m}^2 \text{ cỏ} \times 3.000,đ/\text{m}^2 = 1.320.000đ$

Tổng trị giá là: 24.278.000đ.

Tổng tài sản định giá là 518.222.000đ.

Tuy nhiên, về tài sản trên đất ngôi nhà và cây trồng lâu năm là do vợ chồng ông P, bà D gây dựng, còn lại diện tích trồng cỏ, trồng rau lang do anh T tự trồng và có giá trị: 9.891.000,đ, vì vậy khối tài sản chung của bà D, ông P được xác định: $(518.222.000,đ - 9.891.000,đ) = 508.331.000đ$; bà D được hưởng 1/2 khối tài sản chung là 254.165.000đ. Phần di sản của ông P hưởng 1/2 khối tài sản chung là 254.165.000đ chia cho đồng thừa kế gồm 06 phần, (bà D, anh T, anh C, chị M, chị H, chị L). Như vậy mỗi kỹ phần được hưởng phần di sản ông P để lại tương đương trị giá 42.360.000,đ. Chị Hầu Thị M, Hầu Thị H, Hầu Thị L để lại cho bà D được hưởng, như vậy bà D được 4 phần tương đương trị giá 169.440.000,đ, anh T được hưởng 1 phần trị giá 42.360.000,đ, cháu D, cháu T là thừa kế thế vị được hưởng 1 phần tương đương 43.360.000,đ. Như vậy phần bà D được chia: $254.165.000,đ + 169.440.000,đ = 423.605.000,đ$.

Tại giai đoạn giải quyết và tại phiên tòa bà D có quan điểm chia bằng hiện vật và bà được quản lý, sử dụng 03 thửa đất và các tài sản trên đất gồm: Thửa đất số 380, tờ bản đồ số 29; diện tích 2891,6m², trên đất có ngôi nhà 01 tầng mái bằng, diện tích 24m² và các tài sản trên đất trị giá: 202.847.600đ; Thửa đất số 836, tờ bản đồ số 29; diện tích 619,0m², trị giá 18.104.000đ; Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 34, diện tích: 6138,7m².trị giá 161.202.200đ. Tổng trị giá 382.153.800,đ. Thấy rằng việc đề nghị chia bằng hiện vật và có giá trị thấp hơn phần được hưởng cần chấp nhận. Đối với việc bà chia cho anh T được quản lý sử dụng 03 thửa số 11, tờ bản đồ số 34; diện tích 602,8m²; trị giá là: 15.672.800đ. Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 34; diện tích 178,3m²; trị giá là: 4.638.800đ, thửa đất 258 tờ bản đồ số 34; diện tích 1068,7m² trị giá 27.786.200đ. Tổng trị giá là: 48.097.000đ. Cháu Hầu Ngọc D được quản lý, sử dụng thửa đất số 11 tờ bản đồ số 20 diện tích 2610,8m² và tài sản trên đất trị giá 71.130.800đ, Hầu Thị T được quản lý, sử dụng thửa đất số 564, tờ bản đồ số 25 diện tích 883m² và à tài sản trên đất trị giá 24.278.000đ. Xét thấy việc bà D tự nguyện chia cho các kỹ phần thừa kế đều có giá trị lớn hơn phần được hưởng theo kỹ phần phân chia theo pháp luật, đồng thời phù hợp với hiện tại đang sử dụng nên cũng được chấp nhận.

[6] Về công sức đóng góp của anh T: Hiện nay tài sản trên đất của 7 thửa đất (trừ thửa đất số 380) anh T đã trồng cỏ, rau lang trị giá tại thời điểm định giá là 9.491.600,đ. Cụ thể: Trên 03 thửa đất bà D chia cho anh có trị giá: 2.561.000đ, trên đất bà D có trị giá: 3.000.000,đ, trên đất cháu D có trị giá: 2.610.000, trên đất cháu T trị giá: 1.320.000,đ. Tuy nhiên phần diện tích anh T được chia có giá trị

lớn hơn di sản mà anh được hưởng nên không cần buộc bà D, cháu D, cháu T phải thanh toán cho anh T lại trị giá diện tích cỏ, rau lang trên đất đã được chia.

[7] Về chi phí thẩm định, định giá: Bà Cháng Thị D tự nguyện chịu toàn bộ.

[8] Về nhận định của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[9] Về ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn thấy rằng có cơ sở cần chấp nhận.

[10] *Về án phí*: Các đương sự thuộc hộ nghèo được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì lý lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165 và Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 và Điều 652 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 59, Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 166, 167 và Điều 179 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Cháng Thị D về việc tranh chấp di sản thừa kế, chia tài sản chung.

Giao cho bà Cháng Thị D được quyền quản lý, sử dụng các thửa đất sau:

- Thửa đất số 380, tờ bản đồ số 29; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang; diện tích 2891,6m²; mục đích sử dụng (đất trồng cây lâu năm khác 2491,6 m², đất ở tại nông thôn 400,0 m² Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BM 083362 mang tên bà Cháng Thị R, cấp ngày 02/07/2012, đổi thành tên Cháng Thị D ngày 04/12/2017, Tài sản trên đất: 01 ngôi nhà 01 tầng mái bằng, tường 220mm, diện tích 6m x 4m = 24m²; 08 cây lát đường kính trên 45cm, 03 cây mỡ đường kính trên 45cm, 01 cây nhãn đường kính 15 đến 20cm, 04 cây bưởi đường kính 16 đến 20cm, 21 cây tre đường kính trên 10cm.

Phía đông giáp quốc lộ 4c;

Phía tây giáp quốc lộ 4c;

Phía nam giáp đất anh Tản Phủ D và Hữu Văn L;

Phía bắc giáp đất anh Ly Thèn L.

- Thửa đất số Thửa đất số 45, tờ bản đồ số 34; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Quản Bạ; diện tích 6138,7m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BU 013899 mang tên bà Cháng Thị D, cấp ngày 04/12/2013.

Diện tích 6138,7m², là đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác. Có các cạnh tiếp giáp:

Phía đông giáp đường C đi Đ;

Phía tây giáp đường C đi Đ;

Phía nam giáp thửa đất 96 của bà Cháng Thị D;

Phía bắc giáp đất anh Lò Sào N.

Tài sản trên đất: 400m² cỏ; 200m² rau lang.

- Thửa đất số 836, tờ bản đồ số 29; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 619,0m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BM 083361 mang tên bà Cháng Thị R, cấp ngày 02/07/2012, đổi thành tên Cháng Thị D ngày 04/12/2017.

Diện tích 619,0m², là đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác.

Có các cạnh tiếp giáp: phía đông giáp quốc lộ 4c, phía tây giáp quốc lộ 4c, phía nam giáp quốc lộ 4c, phía bắc giáp đất anh Lò Sào Q.

Tài sản trên đất: 05 cây xoan đường kính 11 đến 15cm, 02 cây ổi, 600m² cỏ.

Giao cho anh HẦU SÀO T được quản lý, sử dụng các thửa đất sau:

- Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 34; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 602,8m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BU 013990 mang tên bà Cháng Thị D, cấp ngày 04/12/2013.

Diện tích 602,8m², là đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác. Có các cạnh tiếp giáp:

Phía đông giáp đường C đi Đ;

Phía tây giáp đất Sùng Văn S;

Phía nam giáp đường mòn dân sinh;

Phía bắc giáp đất Hâu Chấn N.

Tài sản trên đất: 201m² cỏ.

- Thửa đất số 258 tờ bản đồ số 34; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 1068,7m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CT 864988 mang tên bà Cháng Thị D, cấp ngày 19/08/2021.

Diện tích 1068,7m², là đất trồng cây hàng năm khác. Có các cạnh tiếp giáp:

Phía đông giáp đất Lò Sào C;

Phía tây giáp đất Lý Thìn C, Lý Tả D;

Phía nam giáp đất Lý Tả K, Lý Tả G;

Phía bắc giáp đất Ma Khải H.

- Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 34; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện Q; diện tích 178,3m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CT 864987 mang tên bà Cháng Thị D, cấp ngày 19/8/2021.

Diện tích 178,3m², là đất trồng cây hàng năm khác. Có các cạnh tiếp giáp:

Phía đông giáp đường C đi Đ;

Phía tây giáp đường C đi Đ;

Phía nam đường C đi Đông H;

Phía bắc giáp thửa đất 45 của bà Cháng Thị D.

Tài sản trên đất: 178,3m² rau lang.

Giao cho HẦU NGỌC D quản lý, sử dụng: Thửa đất số 11 tờ bản đồ số 20 thôn C, xã Đ, huyện Q.

Diện tích 2610,8m², là đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác. Có các cạnh tiếp giáp:

Phía đông giáp đất Lò Sào V;

Phía tây giáp đất Giàng Thị S;

Phía nam giáp khe suối, đường quốc lộ 4c;

Phía bắc giáp đất Lò Sào V.

Tài sản trên đất: 870m² cỏ; 08 cây lát đường kính từ 16 đến 20cm

Giao cho Hầu Thị quản lý, sử dụng thửa đất số 564 tờ bản đồ số 25 thôn C, xã Đ, Q.

Diện tích 883m², là đất cỏ dùng vào chăn nuôi. Có các cạnh tiếp giáp:

Phía đông giáp rãnh nước, đường quốc lộ 4c;

Phía tây giáp đất Vũ Thìn S, rãnh nước;

Phía nam giáp đất Ma Thìn V, Hầu Xín G;

Phía Bắc giáp rãnh nước, đất Vũ Thìn S.

Tài sản trên đất: 440m² cỏ.

(có trích lục sơ đồ thửa đất kèm theo).

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc sang tên quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

2. Về chi phí tố tụng: Tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng). Bà Cháng Thị D nhất trí chịu toàn bộ (đã nộp xong)

3. Về án phí các đương sự được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí có giá ngạch.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Q;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Cao Danh Nhân